

Số: 02/2023/NQ-HĐND

Phú Thọ, ngày 07 tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Thông qua danh mục các dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng phải thu hồi đất; danh mục các dự án có sử dụng đất phải chuyển mục đích đất trồng lúa thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận; danh mục các dự án chuyển tiếp tại Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 04/3/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh; danh mục các dự án điều chỉnh, bổ sung tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đang còn hiệu lực; danh mục các dự án chuyển mục đích đất trồng lúa thuộc thẩm quyền Thủ tướng Chính phủ chấp thuận

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ KHOÁ XIX, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 987/TTr-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục các dự án, công trình phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng phải thu hồi đất và danh mục dự án sử dụng đất phải chuyển mục đích đất trồng lúa dưới 10 héc ta trên địa bàn tỉnh

Tổng cộng là 78 dự án, với tổng diện tích 183,16 héc ta (trong đó: Diện tích đất trồng lúa 69,93 héc ta; diện tích các loại đất khác 113,23 héc ta), chi tiết từng huyện, thành, thị như sau:

Chi tiết từng huyện, thành, thị như sau:

- Thành phố Việt Trì 09 dự án với diện tích 21,96 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 12,1 héc ta và diện tích các loại đất khác 9,86 héc ta.

- Thị xã Phú Thọ 08 dự án với diện tích 7,04 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 3,08 héc ta và diện tích các loại đất khác 3,96 héc ta.

- Huyện Phù Ninh 03 dự án với diện tích 2,45 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 1,16 héc ta và diện tích các loại đất khác 1,29 héc ta.

- Huyện Thanh Ba 01 dự án với diện tích 0,21 héc ta các loại đất khác.

- Huyện Đoan Hùng 07 dự án với diện tích 68,94 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 23,43 héc ta và diện tích các loại đất khác 45,51 héc ta.

- Huyện Hạ Hoà 06 dự án với diện tích 9,14 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 8,02 héc ta và diện tích các loại đất khác 1,12 héc ta.

- Huyện Cẩm Khê 03 dự án với diện tích 1,08 héc ta, trong đó: diện tích đất trồng lúa 0,05 héc ta và diện tích các loại đất khác 1,03 héc ta.

- Huyện Yên Lập 17 dự án với diện tích 30,01 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 6,3 héc ta và diện tích các loại đất khác 23,71 héc ta.

- Huyện Tam Nông 11 dự án với diện tích 18,16 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 9,1 héc ta và diện tích các loại đất khác 9,06 héc ta.

- Huyện Thanh Thủy 04 dự án với diện tích 2,74 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 2,58 héc ta và diện tích các loại đất khác 0,16 héc ta.

- Huyện Thanh Sơn 03 dự án với diện tích 20,53 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 3,63 héc ta và diện tích các loại đất khác 16,9 héc ta.

- Các dự án xây dựng công trình điện trên địa bàn các huyện, thành, thị là 06 dự án với diện tích 0,9 héc ta (Trong đó: Diện tích đất trồng lúa 0,48 héc ta và diện tích các loại đất khác 0,42 héc ta).

(Chi tiết có các biểu số 01 và biểu số 1.1 đến 1.12 kèm theo).

Điều 2. Thông qua các dự án chuyển tiếp từ Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 04/3/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Tổng cộng 10 dự án với tổng diện tích 19,77 héc ta (trong đó: Diện tích đất trồng lúa 6,71 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 7,28 héc ta và diện tích các loại đất khác là 5,78 héc ta) để tiếp tục thực hiện.

(Chi tiết có biểu số 02 kèm theo).

Điều 3. Thông qua danh mục các dự án, công trình điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất, địa bàn thực hiện và tên dự án, công trình tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đang còn hiệu lực

Tổng cộng là 26 dự án phải điều chỉnh bổ sung với diện tích 335,327 héc ta (trong đó: Diện tích đất trồng lúa 113,624 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 59,663 héc ta và diện tích các loại đất khác 162,04 héc ta), gồm:

- Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020: 02 dự án với diện tích 0,23 héc ta (diện tích đất trồng lúa 0,13 héc ta; diện tích các loại đất khác 0,1 héc ta).

- Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 19/4/2021: 01 dự án với diện tích 4,8 héc ta (diện tích đất rừng sản xuất 03 héc ta; diện tích các loại đất khác 1,8 héc ta).

- Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 12/8/2021: 03 dự án với diện tích 33,63 héc ta (diện tích đất trồng lúa 9,89 héc ta; diện tích các loại đất khác 23,74 héc ta).

- Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 9/12/2021: 09 dự án với diện tích 159,08 héc ta (diện tích đất trồng lúa 64,74 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 33,88 héc ta; diện tích các loại đất khác 60,46 héc ta).

- Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 30/5/2022: 03 dự án với diện tích 25,68 héc ta (diện tích đất trồng lúa 2,5 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 18,5 héc ta; diện tích các loại đất khác 4,68 héc ta).

- Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022: 02 dự án với diện tích 5,3 héc ta (diện tích đất trồng lúa 2,5 héc ta; diện tích các loại đất khác 2,8 héc ta).

- Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022: 06 dự án với diện tích 106,603 héc ta (diện tích đất trồng lúa 33,86 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 4,283 héc ta; diện tích các loại đất khác 68,46 héc ta).

(Chi tiết có biểu số 03 kèm theo)

Điều 4. Thông qua danh mục các dự án, công trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ

Tổng cộng là 02 dự án với tổng diện tích 172,39 héc ta, (trong đó: Diện tích đất trồng lúa 68,81 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 13,46 héc ta; diện tích các loại đất khác 90,12 héc ta).

(Chi tiết có biểu số 04 kèm theo).

Điều 5. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng các quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ Khóa XIX, Kỳ họp chuyên đề thứ Hai thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2023, có hiệu lực từ ngày 17 tháng 4 năm 2023 và thay thế Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 04/3/2020 của HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế (Bộ TN&MT);
- Công TTĐT Chính phủ;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TAND, VKSND, Cục THADS tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- CVP, các PCVP;
- Công TTĐT tỉnh;
- TT Công báo - Tin học (VP UBND tỉnh);
- Lưu: VT, Phòng CTHĐND (T).

CHỦ TỊCH



Bùi Minh Châu